

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 88/TTr-SNN ngày 14 tháng 6 năm 2022, Công văn số 1785/SNN-KHTC ngày 28/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, CTTĐT, NNTNMT (LTT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



★ Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Mục đích

- Bám sát quan điểm, mục tiêu và các định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để xây dựng nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh; góp phần tạo sự chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đề ra định hướng, phương án, lộ trình triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số thống nhất, hiệu quả.

- Kế hoạch này là căn cứ để các Sở, Ban, ngành, các địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông nói chung và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa (gọi tắt là UBND cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã).

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, kinh tế hộ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (*sau đây gọi tắt là các chủ thể sản xuất nông nghiệp*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tập trung phát triển chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp và hiệu quả theo “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; gắn chuyển đổi số với chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, ứng dụng công nghệ để phục vụ và thích ứng kịp thời với sự phát triển nhanh và sáng tạo của nền kinh tế số theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao thu nhập cho người nông dân; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, tuần hoàn, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Phát triển Chính quyền số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; 100% các dịch vụ công trực tuyến có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp phục vụ quản lý, điều hành, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- 100% chế độ thông tin, báo cáo thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp (không bao gồm nội dung mật) thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- 100% văn bản đi, đến được cập nhật, xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% văn bản trao đổi giữa các

đơn vị được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật); 100% cán bộ, công chức lập hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được trang bị máy tính làm việc ổn định, kết nối mạng một cách đồng bộ, thông suốt, an toàn, bảo mật thông tin.

- 20% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý nhà nước.

- Đảm bảo Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan hoạt động hiệu quả, đảm bảo cung cấp đầy đủ và xử lý thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

2.2. Phát triển kinh tế số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và phát triển công nghệ thông minh 4.0 để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng, an toàn và có sức cạnh tranh cao. Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 chiếm từ 20-25% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Đến năm 2025 có thêm 3 - 4 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tham gia sản xuất nông nghiệp ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mang tính công nghệ cao về giống, quy trình canh tác, công nghệ sau thu hoạch; cơ giới hóa, tự động hóa trong quá trình chăn nuôi, xử lý chất thải; các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Phân đầu 30% các chủ thể sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được điều khiển tự động.

- Quản lý, giám sát, xây dựng các chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp, đặc biệt là quản lý, giám sát các ngành hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh (hồ tiêu, cà phê, bơ, sầu riêng...) bằng công nghệ số.

2.3. Phát triển xã hội số

- Phân đầu trên 80% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh được hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử của tỉnh và một số sàn thương mại điện tử như: Voso.vn, Postmart.vn,...

- 50% các chủ thể sản xuất nông nghiệp được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin.

- 50% các chủ thể sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ, hướng dẫn đăng tải và kinh doanh các sản phẩm nông sản của mình trên sàn thương mại điện tử của tỉnh hoặc các kênh bán hàng online.

- 70% các chủ thể sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công cụ phục vụ chuyển đổi số dựa trên định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

- 50% các chủ thể sản xuất nông nghiệp sử dụng, khai thác, vận hành các nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, hệ sinh thái nông nghiệp số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi về nhận thức

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số của tỉnh nói chung và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng cho toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phương thức làm việc, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công việc tại cơ quan; sử dụng dữ liệu số, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ quan, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị, tọa đàm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Xây dựng các chuyên mục chuyển đổi số, chính quyền số, công nghệ số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ cập, bồi dưỡng kỹ năng cho các chủ thể sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số, công nghệ số trong nông nghiệp; ứng dụng công nghệ, mô hình nông nghiệp hiện đại, thông minh để phục vụ sản xuất nông nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

1.2. Kiến tạo thể chế

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách về thu hút nguồn lực công nghệ thông tin, phát triển công nghệ số, nông nghiệp số, kinh tế số, dữ liệu số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để phục vụ quản lý và sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người nông dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nông thôn.

- Hàng năm, xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong đơn vị gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đảm bảo Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan hoạt động hiệu quả, đảm bảo cung cấp cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong quản lý nông nghiệp theo hướng tiện lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về chuyển đổi số và bộ chỉ số chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nhân rộng các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ và mô hình chuyển đổi số nông nghiệp điển hình mang lại hiệu quả và nâng cao sản lượng, chất lượng, giá trị nông sản; tuyên dương, khen thưởng kịp thời các cơ quan, tổ chức, đơn vị sản xuất nông nghiệp chuyển đổi số hiệu quả.

1.3. Phát triển về hạ tầng số

- Nâng cấp hạ tầng máy tính, thiết bị mạng, thiết bị đầu cuối, thiết bị an toàn thông tin, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ Ipv4 sang Ipv6.

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử và chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây, thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong triển khai Chính phủ số, phát triển kinh tế số nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn thông minh.

- Triển khai nâng cấp, cấu hình tài khoản người dùng phục vụ quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành trên nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.4. Phát triển về dữ liệu số: Xây dựng dữ liệu ngành nông nghiệp, nông thôn (bao gồm đầy đủ các lĩnh vực, chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế hợp tác, thủy lợi, phòng, chống thiên tai...), đảm bảo kết nối dữ liệu giữa ngành nông nghiệp phát triển nông thôn với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của tỉnh và cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, chỉ đạo, điều hành.

1.5. Xây dựng nền tảng số nông nghiệp

- Phát triển hệ thống thông tin phục vụ quản lý điều hành, giám sát thông tin về nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, hỗ trợ hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh nông nghiệp.

- Triển khai số hoá, thông minh hoá hạ tầng trong quản lý, sản xuất nông

nghiệp như: hạ tầng thủy lợi; hạ tầng phòng chống thiên tai, dịch bệnh và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hạ tầng logistics và các hạ tầng dịch vụ liên quan khác...theo hướng kết nối, đồng bộ thông tin.

- Triển khai ứng dụng Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Phát triển Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính mức độ 4 theo quy định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tổ chức cá nhân, người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

- Xây dựng hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 4 bằng nhiều hình thức như: Tài liệu điện tử, video hướng dẫn, đường dây nóng, hỗ trợ online trên trang thông tin điện tử, điện thoại di động...

- Thực hiện số hóa các tài liệu về văn thư lưu trữ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, lập và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; vận hành hệ thống quản lý văn bản điện tử; triển khai dịch vụ công trực tuyến; triển khai chuẩn hoá chế độ báo cáo; Hệ thống giao ban trực tuyến của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công của ngành nông nghiệp, nông thôn. Số hoá các quy trình, dữ liệu phục vụ quản lý điều hành; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý điều hành.

- Quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xác định mã số vùng trồng, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm kịp thời, minh bạch, chính xác, an toàn... gắn với thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

3. Phát triển kinh tế số nông nghiệp

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 734/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Chương trình số 25-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trước xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được điều khiển tự động. Ứng dụng công nghệ số, thông minh hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp.

- Quản lý, giám sát, xây dựng các chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp, đặc biệt là quản lý, giám sát các ngành hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh (hồ tiêu, cà phê, bơ, sầu riêng...) bằng công nghệ số.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Đề án nâng cấp Hệ thống thông tin thị trường nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

- Hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử: <https://vosovn.vn>; <https://postmart.vn> và mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo,...; tham gia các hoạt động kinh tế số nông nghiệp; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong mua bán, trao đổi và kinh doanh nông sản.

4. Phát triển xã hội số

- Hỗ trợ, thúc đẩy các chủ thể sản xuất nông nghiệp chuyển đổi số, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công cụ phục vụ chuyển đổi số dựa trên định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin cho các chủ thể sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp khai thác, sử dụng các nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, hệ sinh thái nông nghiệp số.

5. Chuyển đổi số cho các lĩnh vực chuyên ngành

5.1. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm nghiệp và thủy sản: Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực chất lượng nông, lâm nghiệp và thủy sản (quy mô sản xuất, quy trình sản xuất áp dụng...; thu hoạch, chế biến, bao gói, tự công bố sản phẩm; hồ sơ đủ điều kiện an toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code)...) nhằm triển khai ứng dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá và cấp chứng nhận chất lượng nông sản; xây dựng quy trình số về quản lý chất lượng nông sản.

5.2. Lĩnh vực Trồng trọt

Xây dựng dữ liệu về sản xuất đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh (cà phê, cao su, hồ tiêu, điều...) với các thông tin cụ thể như: địa điểm, vị trí GPS, phạm vi ranh giới, hình ảnh khu vực sản xuất, diện tích; thông tin cảnh báo thời tiết, sâu bệnh, thông báo lịch thời vụ, thông tin tư vấn về trồng trọt cho nông dân... Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, giảm chi phí nhân công; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến thu hoạch, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; dự báo sâu bệnh hại trên cây trồng... Ứng dụng Blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý sản xuất tự động kết nối cung cầu sản phẩm. Ứng dụng các phần mềm quản lý (Autoagri), công nghệ sinh học, công nghệ tưới tự động trong các nhà lưới nhà màng, ứng dụng máy bay không người lái vào phun thuốc bảo vệ thực vật, bón phân...

5.3. Lĩnh vực Chăn nuôi: Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phù hợp theo quy định tại khoản 4, Điều 15, Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. Sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi và cảnh báo sớm dịch bệnh động vật giúp quản lý, khống chế dịch bệnh lây lan.

5.4. Lĩnh vực thủy sản

Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản tại địa phương phù hợp theo quy định tại khoản 5, Điều 18, Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản nhằm có thể kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản một cách đồng bộ, hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản như: sử dụng chế phẩm sinh học, máy tự động cung cấp thức ăn, sử dụng chế phẩm sinh học, máy sục khí trong nuôi cá lồng... Ứng dụng công nghệ sinh học chọn lọc, lai tạo các giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh, chịu đựng tốt với môi trường; công nghệ nuôi thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ nuôi cá nước lạnh...

5.5. Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai: Xây dựng dữ liệu về thủy lợi bao gồm các thông tin như: Tên công trình, cơ quan quản lý, địa điểm GPS kèm theo hình ảnh công trình, quy mô công trình, thông số kỹ thuật, diện tích tưới tiêu. Tiếp tục triển khai phát triển hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiên tai tích hợp thông số tại các trạm đo mưa tự động và hệ thống camera trực tuyến giám sát mực nước tại các điểm xung yếu phục vụ quản lý một số hồ, đập thủy lợi,... Xây dựng trung tâm theo dõi, điều hành phục vụ công tác phòng chống, cảnh báo sớm thiên tai.

5.6. Lĩnh vực lâm nghiệp

Xây dựng dữ liệu về lâm nghiệp bao gồm các thông tin như: Chính sách lâm nghiệp; Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (loại đất, loại rừng, nguồn gốc rừng, chất lượng rừng, tình trạng quy hoạch, mục đích sử dụng, trữ lượng, chủ rừng, diễn biến rừng, cảnh báo cháy rừng, phá rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học...); chi trả dịch vụ môi trường rừng; nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp; Phát triển kinh tế lâm nghiệp; hệ thống báo cáo ngành lâm nghiệp; các

chương trình/dự án và các hoạt động lâm nghiệp khác liên quan.

Ứng dụng thiết bị, kỹ thuật, phần mềm, công nghệ: viễn thám, GIS, phương tiện bay không người lái,... trong trồng và chăm sóc rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng để cập nhật diện tích rừng bị biến động theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm nguy cơ cháy rừng; phần mềm cảnh báo nguy cơ cháy rừng; theo dõi, giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng;...

5.7. Lĩnh vực nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn: Xây dựng dữ liệu các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh với các thông tin chính như: Tên công trình, địa điểm GPS kèm theo hình ảnh, đơn vị quản lý, quy mô công trình, số lượng người dân sử dụng...

5.8. Lĩnh vực phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới: Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực phát triển nông thôn; quản lý xây dựng nông thôn mới; hệ thống quản lý nông thôn mới; xây dựng các mô hình mẫu về nông thôn thông minh. Triển khai sử dụng phần mềm chấm điểm sản phẩm OCOP, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các sản phẩm OCOP của tỉnh, hình ảnh quảng bá, giới thiệu, thương mại điện tử sản phẩm OCOP, chia sẻ kết nối liên thông đến các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực kinh tế tập thể trong nông nghiệp, thương mại điện tử các sản phẩm OCOP.

5.9. Lĩnh vực chế biến và phát triển thị trường nông sản: Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực chế biến và phát triển thị trường nông sản; kênh thông tin trực tuyến về giá nông sản; xây dựng quy trình số về chế biến nông sản; thực hiện các chương trình tăng cường phát triển thị trường nông sản trên môi trường số.

5.10. Lĩnh vực xây dựng cơ bản: Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực xây dựng cơ bản; quản lý công tác đầu tư và xây dựng cơ bản ngành nông nghiệp; quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (kế hoạch; tiến độ; hồ sơ kỹ thuật; tài chính, giám sát quản lý chất lượng công trình...).

6. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn của tỉnh. Phổ cập thông tin, cung cấp dịch vụ an toàn thông tin cơ bản giúp người nông dân phòng, tránh và tự bảo vệ trước các nguy cơ an toàn thông tin. Phổ cập ký số tích hợp với xác thực danh điện tử một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn tạo thuận tiện cho các bên tham gia kinh tế số nông nghiệp.

V. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn Ngân sách nhà nước bao gồm: chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối bố trí hàng năm theo quy định và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Khuyến khích huy động nguồn kinh phí hỗ trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp của tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phần mềm dùng chung để phục vụ quản lý dữ liệu ngành, ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý và thương mại điện tử trong nông nghiệp; xây dựng quy chế quản lý, sử dụng các phần mềm. Ưu tiên triển khai các mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, có giải pháp về công nghệ để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý ngành, các dữ liệu chính được liên thông, kết nối, hiển thị đến các phần mềm dùng chung của tỉnh. Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên các kênh thông tin đại chúng; Hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh lên sàn thương mại điện tử như: voso.vn; postmart.vn,....

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện các dự án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Sở Tài chính: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định, theo phân cấp và khả năng ngân sách.

5. Sở Công Thương: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực hiện thương mại điện tử. Hỗ trợ đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiêu biểu của tỉnh đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, GAP, hữu cơ giới thiệu, quảng bá tại các hệ thống siêu thị và các sàn thương mại điện tử.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Ưu tiên nguồn lực các Chương trình khoa học công nghệ về ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; hướng dẫn xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp..., tạo lập, quản lý và phát triển các chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc thù của địa phương; đẩy mạnh triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

7. Các Sở, Ban, ngành liên quan: Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách của đơn vị.

8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Quan tâm phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ công nghệ thông tin cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ hợp tác xã. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương.

9. Đề nghị Hội nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh: Chỉ đạo các cấp hội phối hợp với ngành Nông nghiệp, chính quyền địa phương vận động các thành viên, hội viên tham gia khởi nghiệp, sáng tạo, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để chuyển đổi số trong phát triển sản xuất nông nghiệp; tuyên truyền, vận động các hội viên, tổ chức, cá nhân về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản.

10. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Căn cứ các Nghị quyết, Chương trình, Kết luận của Tỉnh ủy; các Nghị quyết của HĐND tỉnh; các Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp, nông thôn và Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Hàng năm quan tâm, bố trí nguồn lực để thực hiện công tác chuyển đổi số trong nông nghiệp tại địa phương; có cơ chế, chính sách riêng của địa phương để hỗ trợ, tạo điều kiện khuyến khích các chủ thể sản xuất nông nghiệp thực hiện các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, mô hình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn.

- Triển khai thu thập cơ sở dữ liệu nông nghiệp tại địa phương. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở, ngành trong việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị khác khai thác, sử dụng theo quy định.

11. Các chủ thể sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan

- Quan tâm đầu tư cho công tác chuyển đổi số; chú trọng liên kết vùng trồng, vùng nuôi, vùng nguyên liệu đáp ứng nguyên liệu đầu vào và nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao trình độ và năng lực sản xuất, cơ giới hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử để phát triển đa dạng loại hình kinh doanh, đáp ứng sự phát triển của công nghệ số.

- Tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh. Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

12. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số trên địa bàn tỉnh: Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số tại Kế hoạch này. Phối hợp, hỗ trợ, tư vấn các giải pháp, công nghệ, mô hình ứng dụng, hệ sinh thái chuyển đổi số nông nghiệp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số nông nghiệp và phát triển đảm bảo theo Kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình; cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, phân công lãnh đạo phụ trách, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, giải pháp thực hiện. Định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số				
1	Chuyển đổi về nhận thức				
1.1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số của tỉnh nói chung và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng cho toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
1.2	Xây dựng phương thức làm việc, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công việc tại cơ quan; sử dụng dữ liệu số, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ quan, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Thường xuyên
1.3	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị, tọa đàm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Kiến tạo thể chế				
2.1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách về thu hút nguồn lực công nghệ thông tin, phát triển công nghệ số, nông nghiệp số, kinh tế số, dữ liệu số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để phục vụ quản lý và sản xuất nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Hàng năm
2.2	Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người nông dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Các Sở, Ban, ngành, các đơn vị liên quan	- Nghị quyết của HĐND tỉnh. - Quyết định của UBND tỉnh.	2022-2023
2.3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về chuyển đổi số và bộ chỉ số chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.4	Đảm bảo Trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Trang thông tin điện tử của đơn vị, đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	- Văn bản triển khai của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
3	Phát triển về hạ tầng số				
3.1	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây, thuê dịch vụ chuyên nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
3.2	Triển khai nâng cấp, cấu hình tài khoản người dùng phục vụ quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành trên nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	- Văn bản triển khai của tỉnh, của Sở Thông tin và Truyền thông; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3.3	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong triển khai Chính phủ số, phát triển kinh tế số nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn thông minh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
4	Phát triển về dữ liệu số				
4.1	Xây dựng dữ liệu ngành nông nghiệp, nông thôn (bao gồm đầy đủ các lĩnh vực, chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, kinh tế hợp tác, thủy lợi, phòng, chống thiên tai...), đảm bảo kết nối dữ liệu giữa ngành nông nghiệp với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của tỉnh và cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, chỉ đạo, điều hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nông nghiệp; - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
5	Xây dựng nền tảng số nông nghiệp				
5.1	Phát triển hệ thống thông tin phục vụ quản lý điều hành, giám sát thông tin về nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, hỗ trợ hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
5.2	Triển khai số hoá, thông minh hoá hạ tầng trong quản lý, sản xuất nông nghiệp như: hạ tầng thuỷ lợi; hạ tầng phòng chống thiên tai, dịch bệnh và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hạ tầng logistics và các hạ tầng dịch vụ liên quan khác...theo hướng kết nối, đồng bộ thông tin.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
5.3	Triển khai, phối hợp triển khai ứng dụng: Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Kế hoạch của UBND tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
II	Phát triển Chính quyền số				
1	Xây dựng hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 4 bằng nhiều hình thức như: Tài liệu điện tử, video hướng dẫn, đường dây nóng, hỗ trợ online trên Trang thông tin điện tử, điện thoại di động...	Trung tâm hành chính công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Thực hiện số hóa các tài liệu về văn thư lưu trữ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
3	Xây dựng và thực hiện Dự án thí điểm Chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị liên quan	- Quyết định phê duyệt Dự án của cấp thẩm quyền; - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
4	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, lập và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; vận hành hệ thống quản lý văn bản điện tử; triển khai dịch vụ công trực tuyến; triển khai chuẩn hoá chế độ báo cáo; Hệ thống giao ban trực tuyến của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
5	Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch công của ngành nông nghiệp, nông thôn. Số hoá các quy trình, dữ liệu phục vụ quản lý điều hành; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý điều hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
III	Phát triển kinh tế số nông nghiệp				
1	Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 734/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Chương trình số 25-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trước xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Văn bản triển khai của cơ đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
2	Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia liên quan đến áp dụng chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan	- Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được điều khiển tự động. Ứng dụng công nghệ số, thông minh hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình/công nghệ được ứng dụng hiệu quả; - Văn bản triển khai của tỉnh, của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Báo cáo kết quả thực hiện. 	2022-2025
4	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Đề án nâng cấp Hệ thống thông tin thị trường nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các đơn vị có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025
5	Quản lý, giám sát, xây dựng các chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp, đặc biệt là quản lý, giám sát các ngành hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh (hồ tiêu, cà phê, bơ, sầu riêng...) bằng công nghệ số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các Sở, ngành có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử: https://voso.vn ; https://postmart.vn và mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo,...; tham gia các hoạt động kinh tế số nông nghiệp; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong mua bán, trao đổi và kinh doanh nông sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành có liên quan	- Chương trình/ Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
IV	Phát triển xã hội số				
1	Hỗ trợ, thúc đẩy các chủ thể sản xuất nông nghiệp chuyển đổi số, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công cụ phục vụ chuyển đổi số dựa trên định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
2	Tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ cập, bồi dưỡng kỹ năng cho các chủ thể sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số, công nghệ số trong nông nghiệp; ứng dụng công nghệ, mô hình nông nghiệp hiện đại, thông minh để phục vụ sản xuất nông nghiệp và quản trị doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp khai thác, sử dụng các nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, hệ sinh thái nông nghiệp số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
V	Chuyển đổi số cho các lĩnh vực chuyên ngành				
1	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm nghiệp và thủy sản				
1.1	Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực chất lượng nông, lâm nghiệp và thủy sản (quy mô sản xuất, quy trình sản xuất áp dụng...; thu hoạch, chế biến, bao gói, tự công bố sản phẩm; hồ sơ đủ điều kiện an toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc điện tử (QR code)...) nhằm triển khai ứng dụng Nền tảng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
1.2	Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá và cấp chứng nhận chất lượng nông sản; xây dựng quy trình số về quản lý chất lượng nông sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Phần mềm được xây dựng và hoạt động hiệu quả; - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Lĩnh vực Trồng trọt				
2.1	Xây dựng dữ liệu về sản xuất đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh (cà phê, cao su, hồ tiêu, điều...) với các thông tin cụ thể như: địa điểm, vị trí GPS, phạm vi ranh giới, hình ảnh khu vực sản xuất, diện tích; thông tin cảnh báo thời tiết, sâu bệnh, thông báo lịch thời vụ, thông tin tư vấn về trồng trọt cho nông dân... Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025
2.2	Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, giảm chi phí nhân công; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến thu hoạch, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; dự báo sâu bệnh hại trên cây trồng... Ứng dụng Blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý sản xuất tự động kết nối cung cầu sản phẩm. Ứng dụng các phần mềm quản lý (Autoagri), công nghệ sinh học, công nghệ tưới tự động trong các nhà lưới nhà màng, ứng dụng máy bay không người lái vào phun thuốc bảo vệ thực vật, bón phân...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm/công nghệ được ứng dụng hiệu quả; - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Lĩnh vực Chăn nuôi				
3.1	Đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
3.2	Sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi và cảnh báo sớm dịch bệnh động vật giúp quản lý, khống chế dịch bệnh lây lan	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
4	Lĩnh vực thủy sản				
4.1	Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản tại địa phương phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản nhằm có thể kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản một cách đồng bộ, hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
4.2	<p>Ứng dụng một số công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản như sử dụng chế phẩm sinh học, máy tự động cung cấp thức ăn, sử dụng chế phẩm sinh học, máy sục khí trong nuôi cá lồng.</p> <p>Ứng dụng công nghệ sinh học chọn lọc, lai tạo các giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh, chịu đựng tốt với môi trường, công nghệ nuôi thủy sản tuần hoàn (RAS), công nghệ nuôi cá nước lạnh</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025
5	Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai				
5.1	Xây dựng dữ liệu về thủy lợi bao gồm các thông tin như: tên công trình, cơ quan quản lý, địa điểm GPS kèm theo hình ảnh công trình, quy mô công trình, thông số kỹ thuật, diện tích tưới tiêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025
5.2	<p>Tiếp tục triển khai phát triển hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiên tai tích hợp thông số tại các trạm đo mưa tự động và hệ thống camera trực tuyến giám sát mực nước tại các điểm xung yếu phục vụ quản lý một số hồ, đập thủy lợi,...</p> <p>Xây dựng trung tâm theo dõi, điều hành phục vụ công tác phòng chống, cảnh báo sớm thiên tai.</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện 	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
6	Lĩnh vực lâm nghiệp				
6.1	Xây dựng dữ liệu về lâm nghiệp bao gồm các thông tin như: Chính sách lâm nghiệp; Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (loại đất, loại rừng, nguồn gốc rừng, chất lượng rừng, tình trạng quy hoạch, mục đích sử dụng, trữ lượng, chủ rừng, diễn biến rừng, cảnh báo cháy rừng, phá rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học...); chi trả dịch vụ môi trường rừng; nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp; Phát triển kinh tế lâm nghiệp; hệ thống báo cáo ngành lâm nghiệp; các chương trình/dự án và các hoạt động lâm nghiệp khác liên quan.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
6.2	Ứng dụng thiết bị, kỹ thuật, phần mềm, công nghệ hiện đại như: viễn thám, GIS, phương tiện bay không người lái,... trong trồng và chăm sóc rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng để cập nhật diện tích rừng bị biến động theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm nguy cơ cháy rừng; phần mềm cảnh báo nguy cơ cháy rừng; theo dõi, giám sát chi trả dịch vụ môi trường rừng;...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
7	Lĩnh vực nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn				
7.1	Xây dựng dữ liệu các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh với các thông tin chính như: tên công trình, địa điểm GPS kèm theo hình ảnh, đơn vị quản lý, quy mô công trình, số lượng người dân sử dụng...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
8	Lĩnh vực phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới				
8.1	Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực phát triển nông thôn; quản lý xây dựng nông thôn mới; hệ thống quản lý nông thôn mới; xây dựng các mô hình mẫu về nông thôn thông minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025
8.2	Triển khai sử dụng phần mềm chấm điểm sản phẩm OCOP, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các sản phẩm OCOP của tỉnh, hình ảnh quảng bá, giới thiệu, thương mại điện tử sản phẩm OCOP, chia sẻ kết nối liên thông đến các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực kinh tế hợp tác xã nông nghiệp thương mại điện tử các sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện.	2022-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
9	Lĩnh vực chế biến và phát triển thị trường nông sản				
9.1	Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực chế biến và phát triển thị trường nông sản; kênh thông tin trực tuyến về giá nông sản; xây dựng quy trình số về chế biến nông sản; thực hiện các chương trình tăng cường phát triển thị trường nông sản trên môi trường số	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành, có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
10	Lĩnh vực xây dựng cơ bản				
10.1	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý lĩnh vực xây dựng cơ bản; quản lý công tác đầu tư và xây dựng cơ bản ngành nông nghiệp; quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (kế hoạch; tiến độ; hồ sơ kỹ thuật; tài chính, giám sát quản lý chất lượng công trình...).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành, địa phương có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025
VI	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin				
1	Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn của tỉnh. Phổ cập thông tin, cung cấp dịch vụ an toàn thông tin cơ bản giúp người nông dân phòng, tránh và tự bảo vệ trước các nguy cơ an toàn thông tin. Phổ cập kỹ số tích hợp với xác thực định danh điện tử một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn tạo thuận tiện cho các bên tham gia kinh tế số nông nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, địa phương có liên quan	- Kế hoạch triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2025